

Chương 5

Phòng vệ thương mại

Mục A: Biện pháp tự vệ song phương

Điều 5.1: Các định nghĩa

Vì mục đích của Chương này:

- (a) **cơ quan điều tra có thẩm quyền** có nghĩa như sau:
 - (i) về phía I-xra-en, là Ủy viên Thuế Thương mại thuộc Bộ Kinh tế và Công nghiệp hoặc cơ quan tương ứng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - (ii) về phía Việt Nam, là Cục Phòng vệ thương mại thuộc Bộ Công Thương; hoặc các cơ quan kế tục các cơ quan này;
- (b) **ngành sản xuất trong nước** là toàn bộ các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của một Bên hoặc các nhà sản xuất mà tổng sản lượng hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp chiếm tỷ lệ đa số trong tổng sản lượng của hàng hóa đó;
- (c) **hàng hóa có xuất xứ** được định nghĩa tại Chương 3 (Quy tắc xuất xứ);
- (d) **thiệt hại nghiêm trọng** là sự suy giảm tổng thể đáng kể về vị trí của một ngành sản xuất trong nước;
- (e) **đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng** là thiệt hại nghiêm trọng rõ ràng sẽ xảy ra, dựa trên cơ sở thực tế và không chỉ dựa trên cáo buộc, phỏng đoán hoặc khả năng khó xảy ra;
- (f) **giai đoạn chuyển tiếp** liên quan đến một hàng hóa cụ thể là thời gian ba năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, trừ trường hợp việc xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa diễn ra trong một khoảng thời gian dài hơn, trong trường hợp đó giai đoạn chuyển tiếp sẽ là giai đoạn xóa bỏ thuế quan theo giai đoạn đối với hàng hóa đó.

Điều 5.2: Áp dụng biện pháp tự vệ song phương

1. Tùy theo quy định tại Điều 5.8 (Áp dụng các biện pháp tự vệ toàn cầu) của Chương này, một Bên có thể áp dụng một biện pháp tự vệ song phương:

- (a) chỉ trong giai đoạn chuyển tiếp; và
- (b) nếu kết quả của việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định này dẫn đến một hàng hóa có xuất xứ được nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên đó với số lượng tăng tuyệt đối hoặc tăng tương đối so với sản lượng trong nước và với những điều kiện này chỉ riêng việc nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ của Bên đó tạo thành nguyên nhân trọng yếu gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho một ngành sản xuất trong nước.

2. Nếu các điều kiện quy định tại khoản 1 được thỏa mãn, ở mức độ tối thiểu cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng, một Bên có thể:

- (a) ngừng việc cắt giảm thêm bất kỳ mức thuế suất nào được quy định theo Hiệp định này đối với hàng hóa đó; hoặc
- (b) tăng thuế suất đối với hàng hóa đó đến một mức không cao hơn mức thấp hơn trong các mức sau:
 - (i) thuế suất theo nguyên tắc tối huệ quốc (MFN) được áp dụng có hiệu lực tại thời điểm biện pháp được áp dụng, hoặc
 - (ii) thuế suất cơ sở được quy định trong biểu lộ trình tại Phụ lục 2B (Cắt giảm hoặc Xóa bỏ Thuế quan)

3. Một Bên áp dụng biện pháp tự vệ song phương theo tiêu khoản 2(b) của Điều này có thể cân nhắc để giảm thiểu các tác động tiêu cực của biện pháp đến thương mại song phương bằng cách thiết lập một hạn ngạch thuế quan cho sản phẩm liên quan theo ưu đãi/nhân nhượng đã thỏa thuận được thiết lập trong Hiệp định này.

- (a) hạn ngạch thuế quan không được thấp hơn mức nhập khẩu trung bình của sản phẩm liên quan trong 36 tháng trước thời kỳ được sử dụng để xác định sự tồn tại của thiệt hại nghiêm trọng.
- (b) lượng hàng hóa trong hạn ngạch thuế quan có thể được nhập khẩu theo mức quy định tại Phụ lục 2B (Cắt giảm hoặc Xóa bỏ Thuế quan).

- (c) lượng hàng hóa vượt ngoài hạn ngạch thuế quan có thể được nhập khẩu theo mức thuế suất quy định tại tiểu khoản 2(b) của Điều này.

Điều 5.3: Các hạn chế đối với việc áp dụng biện pháp tự vệ song phương

1. Các biện pháp tự vệ song phương không được áp dụng trong năm đầu tiên của giai đoạn chuyển tiếp.

2. Một biện pháp tự vệ song phương không được áp dụng trừ trường hợp ở mức độ tối thiểu và trong khoảng thời gian cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh, và biện pháp này không được áp dụng trong khoảng thời gian quá hai năm.

Tuy nhiên, thời hạn này có thể được kéo dài thêm một năm nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên nhập khẩu, phù hợp với các thủ tục quy định tại Điều 5.4 (Thủ tục điều tra), xác định rằng biện pháp này vẫn tiếp tục cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh và có bằng chứng cho thấy ngành sản xuất đang điều chỉnh, với điều kiện là tổng thời gian áp dụng biện pháp tự vệ, bao gồm cả thời gian áp dụng ban đầu và bất kỳ khoảng thời gian gia hạn nào, sẽ không quá ba năm. Bên duy trì biện pháp quá một năm phải dần nói lỏng biện pháp hàng năm một cách đều đặn trong khoảng thời gian áp dụng.

3. Không Bên nào được áp dụng một biện pháp tự vệ song phương nhiều hơn một lần đối với cùng một hàng hóa.

4. Khi chấm dứt biện pháp tự vệ song phương, thuế suất phải được đưa về mức thuế suất đáng ra có hiệu lực nếu biện pháp đó không được áp dụng. Nếu hạn ngạch thuế quan được áp dụng như một biện pháp tự vệ song phương, hạn ngạch thuế quan phải được xóa bỏ khi chấm dứt biện pháp tự vệ song phương.

5. Các biện pháp tự vệ song phương không được áp dụng hoặc duy trì sau giai đoạn chuyển tiếp. Theo yêu cầu của một Bên, Ủy ban hỗn hợp sẽ đánh giá có nên tiếp tục áp dụng cơ chế biện pháp tự vệ song phương nêu trong Chương này đối với một số hàng hóa cụ thể hay không. Để rõ hơn, yêu cầu như vậy của một Bên gửi Ủy ban hỗn hợp cần được đưa ra trước khi kết thúc giai đoạn chuyển tiếp.

6. Không Bên nào được áp dụng hoặc duy trì biện pháp tự vệ song phương theo mục này đối với bất kỳ sản phẩm nào được nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (TRQ) do các Bên thiết lập theo Hiệp định này.

Điều 5.4: Thủ tục điều tra

1. Một Bên chỉ được áp dụng một biện pháp tự vệ song phương sau khi cơ quan có thẩm quyền của Bên đó tiến hành điều tra theo quy định pháp luật trong nước của Bên đó và các Điều 3 và 4.2(c) của Hiệp định WTO về các biện pháp tự vệ (sau đây gọi là "Hiệp định về các biện pháp tự vệ"); và khi đó các Điều 3 và 4.2(c) của Hiệp định về các biện pháp tự vệ được đưa vào và trở thành một phần của Hiệp định này, với những thay đổi thích hợp.

2. Trong cuộc điều tra được mô tả tại khoản 1, Bên đó phải tuân thủ các yêu cầu của Điều 4.2 (a) và 4.2 (b) của Hiệp định về các biện pháp tự vệ; và khi đó, Điều 4.2(a) và 4.2 (b) của Hiệp định Tự vệ được đưa vào và trở thành một phần của Hiệp định này, với những thay đổi phù hợp.

Điều 5.5 Các biện pháp tự vệ song phương tạm thời

1. Trong những trường hợp khẩn cấp mà sự chậm trễ sẽ gây ra tổn thất khó có thể khắc phục, một Bên có thể áp dụng một biện pháp tự vệ song phương trên cơ sở tạm thời căn cứ vào kết luận sơ bộ của cơ quan có thẩm quyền xác định rằng có bằng chứng rõ ràng rằng việc nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Bên kia đã tăng lên do cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định này, và việc nhập khẩu như vậy cấu thành nguyên nhân trọng yếu gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

2. Bên dự định áp dụng biện pháp tự vệ song phương tạm thời phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia và cung cấp thông báo bao gồm tất cả thông tin thích đáng, trong đó có bằng chứng sơ bộ về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng do nhập khẩu gia tăng gây ra, mô tả chính xác về sản phẩm liên quan và biện pháp được đề xuất, cũng như ngày đề xuất bắt đầu áp dụng biện pháp và thời gian dự kiến áp dụng biện pháp. Một Bên không được áp dụng biện pháp tự vệ song phương tạm thời cho đến ít nhất 45 ngày sau ngày cơ quan có thẩm quyền

của Bên đó khởi xướng điều tra. Thời gian áp dụng của bất kỳ biện pháp tự vệ song phương tạm thời nào không được vượt quá 200 ngày, trong khoảng thời gian này Bên đó phải tuân thủ các yêu cầu của Điều 5.4 (Thủ tục điều tra).

Điều 5.6: Thông báo và tham vấn

1. Một Bên sẽ thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bên kia khi:
 - (a) khởi xướng một quy trình điều tra tự vệ song phương theo Chương này;
 - (b) đưa ra kết luận về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng do nhập khẩu gia tăng gây ra theo Điều 5.2 (Áp dụng biện pháp tự vệ song phương); và
 - (c) đưa ra quyết định áp dụng hoặc gia hạn các biện pháp tự vệ song phương tạm thời hoặc chính thức.
2. Một Bên phải cung cấp cho Bên kia bản sao các báo cáo điều tra công khai của cơ quan điều tra có thẩm quyền của mình theo quy định tại Điều 5.4.1.
3. Nếu một Bên có hàng hóa là đối tượng của quy trình điều tra tự vệ song phương theo quy định của Chương này yêu cầu tổ chức tham vấn trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo quy định tại khoản 1(b), Bên thực hiện quy trình điều tra phải tiến hành tham vấn với Bên yêu cầu với mục tiêu tìm kiếm một giải pháp thích hợp mà hai bên có thể chấp nhận được. Nếu các Bên không tìm được giải pháp mà hai bên có thể chấp nhận được trong vòng 30 ngày kể từ ngày đưa ra thông báo, Bên thực hiện có thể áp dụng biện pháp.

Điều 5.7: Đền bù

1. Không muộn hơn 30 ngày sau khi áp dụng một biện pháp tự vệ, một Bên phải tạo cơ hội cho Bên kia tham vấn với mình về đền bù tự do hóa thương mại phù hợp dưới hình thức nhượng bộ có tác động thương mại đáng kể tương đương hoặc tương đương với trị giá các khoản thuế bổ sung dự kiến phát sinh do biện pháp. Bên áp dụng biện pháp phải cung cấp khoản đền bù như vậy khi các Bên đạt được thống nhất chung.

2. Nếu các Bên không thể thống nhất về khoản đền bù thông qua tham vấn theo quy định tại khoản 1 trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu tham vấn, Bên có hàng hóa có xuất xứ bị áp dụng biện pháp có thể ngừng việc áp dụng các nhượng bộ đối với hàng hóa có xuất xứ của Bên áp dụng mà có tác động thương mại đáng kể tương đương với biện pháp tự vệ.
3. Một Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia ít nhất 30 ngày trước khi ngừng các nhượng bộ theo quy định tại khoản 2.
4. Nghĩa vụ cung cấp đền bù theo quy định tại khoản 1 và quyền ngừng các nhượng bộ theo quy định tại khoản 2 sẽ chấm dứt vào ngày chấm dứt biện pháp tự vệ.
5. Bất kỳ khoản đền bù nào phải được căn cứ trên tổng thời gian áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời và biện pháp tự vệ.

Mục B: Các biện pháp tự vệ toàn cầu

Điều 5.8: Áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu

1. Mỗi Bên bảo lưu các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều XIX của GATT 1994 và Hiệp định về các biện pháp tự vệ.
2. Đối với cùng một hàng hóa, một Bên không áp dụng đồng thời:
 - (a) một biện pháp tự vệ song phương; và
 - (b) một biện pháp theo quy định tại Điều XIX của GATT 1994 và Hiệp định về các biện pháp tự vệ.
3. Đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ lãnh thổ của một Bên vào lãnh thổ của Bên kia mà không phải là nguyên nhân gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của Bên nhập khẩu, các biện pháp tự vệ với đối với việc nhập khẩu hàng hóa đó không áp dụng.
4. Khi xác định liệu nhập khẩu hàng hóa từ Bên kia có phải là nguyên nhân gây hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng hay không, cơ quan điều tra có thẩm quyền của

Bên nhập khẩu có thể xem xét các yếu tố như tỷ trọng nhập khẩu và lượng nhập khẩu của Bên kia, và sự thay đổi của các yếu tố này, cùng với các yếu tố khác.

5. Các điều kiện và hạn chế sau đây phải được áp dụng cho một quy trình điều tra mà có thể dẫn đến biện pháp tự vệ toàn cầu theo quy định tại Điều này:

- (a) không chậm trễ, Bên khởi xướng điều tra phải gửi cho Bên kia thông báo bằng văn bản, bao gồm tất cả các thông tin thích đáng dẫn đến việc khởi xướng điều tra tự vệ toàn cầu và đưa ra khả năng tham vấn cho Bên kia;
- (b) trong trường hợp mức thuế suất được tăng lên do kết quả của một biện pháp, mức chênh lệch ưu đãi theo quy định tại Hiệp định này phải được giữ nguyên;
- (c) khi chấm dứt biện pháp, mức thuế suất phải là mức thuế suất ưu đãi có hiệu lực nếu biện pháp đó không được áp dụng. Nếu hạn ngạch thuế quan được áp dụng như một biện pháp tự vệ toàn cầu thì hạn ngạch đó sẽ được xóa bỏ khi chấm dứt biện pháp tự vệ toàn cầu.

Mục C: Các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp

Điều 5.9: Các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp

1. Hai Bên nhất trí rằng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp phải được sử dụng hoàn toàn phù hợp với Điều VI của GATT 1994, Hiệp định WTO về Thực thi Điều VI của GATT 1994 và Hiệp định WTO về Trợ cấp và các biện pháp chống trợ cấp.

2. Các Bên phải đảm bảo việc công bố đầy đủ và có ý nghĩa tất cả các dữ kiện và cân nhắc trọng yếu hình thành cơ sở cho quyết định áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp. Việc công bố phải được thực hiện bằng văn bản và cho phép các bên liên quan có đủ thời gian để phản hồi bằng các bình luận. Sau khi công bố thông tin cuối cùng, các bên liên quan phải có ít nhất bảy ngày để đưa ra bình luận.

3. Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ đề nghị khởi xướng điều tra đối với hàng hóa của Bên kia do ngành sản xuất trong nước hoặc đại diện ngành sản xuất trong nước nộp và trước khi khởi xướng một cuộc điều tra chống bán phá giá như vậy, cơ quan

điều tra có thẩm quyền phải thông báo cho Bên kia ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày khởi xướng điều tra.

4. Nếu trong một cuộc điều tra chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp liên quan đến nhập khẩu từ Bên kia, cơ quan điều tra xác định rằng một trả lời đúng hạn yêu cầu cung cấp thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu của cơ quan điều tra:

- (a) cơ quan điều tra phải thông báo cho bên liên quan đã nộp trả lời về bản chất của thiếu sót và, trong phạm vi có thể thực hiện được dựa trên thời hạn hoàn thành việc điều tra chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, tạo cơ hội cho bên liên quan đó khắc phục hoặc giải thích sự thiếu sót.
- (b) nếu bên liên quan gửi thêm thông tin để trả lời về thiếu sót và cơ quan điều tra xác định rằng câu trả lời không thỏa đáng hoặc trả lời không được nộp trong thời hạn quy định, và nếu cơ quan điều tra không ghi nhận tất cả hoặc một phần của bản trả lời ban đầu và các bản trả lời sau đó, cơ quan điều tra phải giải thích trong quyết định hoặc văn bản khác về lý do không ghi nhận các thông tin này.

5. Tất cả các bên liên quan đều có quyền được lắng nghe để bày tỏ quan điểm của mình trong quá trình điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp.

6. Trong một cuộc điều tra chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, trước khi áp dụng một biện pháp tạm thời và trước khi có quyết định chính thức, Bên xuất khẩu có thể yêu cầu tham vấn nhằm tìm kiếm một giải pháp được các Bên chấp nhận. Bên nhập khẩu phải tiến hành tham vấn với Bên yêu cầu. Việc tham vấn như vậy không được làm trì hoãn hoặc cản trở quy trình và các thủ tục điều tra tiếp theo của Bên đó theo các Hiệp định WTO có liên quan.

7. Thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp do một Bên áp dụng không được vượt quá biên độ phá giá hoặc biên độ trợ cấp, và Bên đó phải nỗ lực để đảm bảo rằng mức thuế này thấp hơn biên độ nếu mức thuế thấp hơn đó đủ để loại bỏ các thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

8. Các biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp có thể không được áp dụng bởi một Bên nếu trên cơ sở thông tin có được trong quá trình điều tra, có thể kết luận rõ ràng rằng việc áp dụng các biện pháp đó không mang lại lợi ích công cộng. Khi xác định lợi ích công cộng, cùng với các yếu tố khác, Bên đó phải xem xét lợi

ích của ngành sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu, đại diện người sử dụng và đại diện người tiêu dùng dựa trên thông tin liên quan được cung cấp cho cơ quan điều tra.

9. Bên có hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp bởi Bên kia có quyền yêu cầu tham vấn. Khi có yêu cầu, Bên kia phải tiến hành tham vấn với Bên yêu cầu.

Mục D: Quy định chung

Điều 5.10: Lựa chọn biện pháp

Trong mỗi mục, khi lựa chọn các biện pháp liên quan đến mục đó, các Bên phải ưu tiên những biện pháp gây ít tác động kinh tế hơn đến thương mại song phương.